

Bản án số: 121/2020/KDTM-ST
Ngày: 25/12/2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Xuân Thảo

Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên Tòa: Bà Võ Ngọc Liên Hương- Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2018/TLST-KDTM ngày 06 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2020/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 229/2020/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ: Đường C, Phường C , Quận Đ, Tp. Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Thanh A, bà Vũ Thị Hồng H1, bà Đinh Hồng H2, ông Lê Thanh S và ông Nguyễn Tuấn K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Q)

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu V1 ; địa chỉ: Đường T, Phường S1, quận B , Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Trọng H3; địa chỉ: Đường V, Phường M1, Quận M2, Tp. Hồ Chí Minh; chức danh: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q và lời khai của ông Nguyễn Tuấn K là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH xuất nhập khẩu V1 (gọi tắt là Công ty V1) đã ký với Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng) 05 hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 55.12.703.414679.TDHM ngày 18/7/2012, cam kết giải ngân 100.000.000.000đ để bổ sung vốn lưu động, phát hành LC và bảo lãnh phục vụ kinh doanh, giải ngân 49 lần với tổng số tiền: 96.298.581.460đ, cụ thể:

TT	Số khế ước nhận nợ	Ngày giải ngân	Số tiền giải ngân (VND)
1	LD1221500385	02/08/2012	2.890.000.000
2	LD1221600573	03/08/2012	1.529.668.800
3	LD1221600586	03/08/2012	270.000.000
4	LD1222000616	07/08/2012	2.940.000.000
5	LD1222100342	08/08/2012	1.790.000.000
6	LD1222200543	09/08/2012	1.800.000.000
7	LD1222600463	13/08/2012	1.980.000.000
8	LD1222600458	13/08/2012	1.597.320.000
9	LD1222900428	16/08/2012	2.874.487.500
10	LD1222900429	16/08/2012	2.160.000.000
11	LD1223000544	17/08/2012	1.770.000.000
12	LD1223300127	20/08/2012	670.000.000
13	LD1223500142	22/08/2012	2.000.000.000
14	LD1223600135	23/08/2012	1.890.000.000
15	LD1223700102	24/08/2012	2.500.000.000
16	LD1224000642	27/08/2012	3.000.000.000
17	LD1224200025	29/08/2013	3.400.000.000
18	LD1224200595	29/08/2012	3.900.000.000
19	LD1224400110	30/08/2012	3.800.000.000
20	LD1224400668	31/08/2012	2.939.339.500
21	LD1225700479	13/09/2012	4.900.000.000
22	LD1225800708	14/09/2012	4.224.000.000
23	LD1226500601	21/09/2012	306.769.650
24	LD1227100638	27/09/2012	1.246.000.000

25	LD1227100556	27/09/2012	1.740.000.000
26	LD1227100485	27/09/2012	1.200.000.000
27	LD1227200237	28/09/2012	3.000.000.000
28	LD1227200906	28/09/2012	2.000.000.000
29	LD1227500559	01/10/2012	1.523.610.000
30	LD1228300628	09/10/2012	2.455.897.500
31	LD1228600730	12/10/2012	1.212.374.250
32	LD1229000557	16/10/2012	1.166.424.300
33	LD1229100486	17/10/2012	340.000.000
34	LD1229200574	18/10/2012	2.150.000.000
35	LD1229300578	19/10/2012	1.000.000.000
36	LD1230300588	29/10/2012	807.699.000
37	LD1231000634	05/11/2012	2.222.404.560
38	LD1231900537	14/11/2012	601.056.000
39	LD1232200055	17/11/2012	1.691.280.000
40	LD1232400705	19/11/2012	808.249.500
41	LD1233500846	30/11/2012	3.903.120.000
42	LD1234200729	07/12/2012	1.970.325.000
43	LD1236000820	25/12/2012	2.460.332.700
44	LD1236400072	29/12/2012	1.000.000.000
45	LD1301100749	11/01/2013	1.752.230.700
46	LD1301800579	18/01/2013	1.971.742.500
47	LD1305200113	21/02/2013	847.665.000
48	LD1305600537	25/02/2013	350.000.000
49	LD1305900423	28/02/2013	1.746.585.000

2. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 430.10.701.414679.TD ngày 13/7/2010, mục đích sử dụng: mua 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN. Khế ước nhận nợ số LD1019400206, giải ngân số tiền 2.606.800.000đ vào ngày 13/7/2010.

3. Hợp đồng tín dụng trung hạn số 449.10.701.414679.TD ngày 05/8/2010, mục đích sử dụng: mua 10 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN. Khế ước nhận nợ số LD1021700123, giải ngân số tiền 1.296.000.000đ vào ngày 05/8/2010.

4. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 459.10.701.414679.TD ngày 25/8/2010, mục đích sử dụng: mua 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN. Khế ước nhận nợ số LD1023700303, giải ngân số tiền 2.592.000.000đ vào ngày 25/8/2010.

5. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 023.10.701.414679.TD ngày 16/12/2010, mục đích sử dụng: mua 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN. Khế ước nhận nợ số LD1035000134, giải ngân số tiền 2.648.000.000đ vào ngày 16/12/2010.

Tổng số tiền đã giải ngân cho 5 hợp đồng: 105.441.381.460đ.

6. Để bảo đảm cho các khoản vay nói trên, Ngân hàng đã nhận thế chấp các tài sản của Công ty V1 và các bên bảo đảm gồm tài sản là xe ô tô, bất động sản và hàng hóa luân chuyển.

6.1. Tài sản bảo đảm là xe ô tô gồm:

- 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN của Công ty V1 theo Hợp đồng thế chấp số 017.10.703.414679.BD (số công chứng 07216, quyền số 04) ngày 15/4/2011, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- 50 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN của Công ty V1 theo Hợp đồng thế chấp số 430.10.701.414679.BD (số công chứng 07217, quyền số 04) ngày 15/4/2011, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

6.2. Tài sản bảo đảm là bất động sản:

- Quyền sử dụng đất thửa số 15⁻¹²⁹⁻⁵, tờ bản đồ số 2, địa chỉ Phường T, Phường S1, quận B, Tp. Hồ Chí Minh thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị G, theo Hợp đồng thế chấp số 24083, quyền số 12 ngày 15/12/2011, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Quyền sử dụng đất thửa số 118, tờ bản đồ số 22, địa chỉ Phường P, thị xã T, tỉnh Bình Dương thuộc sở hữu của ông Vũ Trọng H3 và bà Hoàng Thị Q theo Hợp đồng thế chấp số 8035, quyền số 07 ngày 20/7/2011, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Quyền sử dụng đất thửa số 25, tờ bản đồ số 13, địa chỉ Phường X, thành phố L, tỉnh An Giang thuộc sở hữu của Công ty TNHH xuất nhập khẩu V1, theo Hợp đồng thế chấp số 1699, quyền số 04 ngày 05/8/2011, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Quyền sử dụng đất thửa số 06, tờ bản đồ số 11, địa chỉ Phường L1, Quận H3, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Vũ Trọng H3 và bà Hoàng Thị Q theo Hợp đồng thế chấp số 07214, quyền số 04 ngày 15/4/2011, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Quyền sử dụng đất thửa số 505, tờ bản đồ số 11, địa chỉ Phường L1, Quận H3, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của ông Vũ Trọng H3 và bà Hoàng Thị Q theo Hợp đồng thế chấp số 07215, quyền số 04 ngày 15/4/2011, công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

6.3. Tài sản bảo đảm là hàng hóa luân chuyển:

- Hàng tồn kho là điện thoại và linh kiện tại Phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của Công ty TNHH xuất nhập khẩu V1, theo Hợp đồng thế chấp số 016.11.703.414679.BD ngày 16/3/2011.

Khi đến các kỳ hạn thanh toán, Công ty V1 không thanh toán đúng hạn nên Ngân hàng đã xử lý một số tài sản đảm bảo thu được một phần nợ, cụ thể đã xử lý các tài sản sau:

- Xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, số tiền thu nợ: 26.504.000.000đ;

- Xử lý tài sản bảo đảm là hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp số 016.11.703.414679.BD ngày 16/3/2011. Số tiền thu nợ: 824.000.000đ;

- Xử lý tài sản bảo đảm là 56 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN, số tiền thu nợ: 2.700.000.000đ.

Hiện tại, tài sản bảo đảm cho các khoản vay còn 14 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN, cụ thể như sau:

1. Theo Hợp đồng thế chấp số 017.10.703.414679.BD ngày 15/4/2011, còn 03 xe ô tô tải mang biển kiểm soát số: 54U-4047; 51D-000.11 và 51D-000.14.

2. Theo Hợp đồng thế chấp số 430.10.701.414679.BD ngày 15/4/2011, còn 11 xe ô tô tải mang biển kiểm soát số: 54U-0208; 54U-0367; 54U-1278; 54U-0701; 54U-0727; 54U-0726; 54U-1341; 54U-1725; 54U-1778; 54U-1619 và 54U-1677.

Tính đến ngày 31/07/2018, Công ty V1 còn nợ Ngân hàng số tiền tạm tính là: 153.351.168.786đ, trong đó: nợ gốc là: 60.393.237.170đ; nợ lãi: 42.366.489.590đ; Lãi quá hạn là 50.591.442.026đ.

Ngân hàng yêu cầu Công ty V1 thanh toán hết số nợ trên ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, ngoài ra từ ngày 01/08/2018 Công ty V1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận được quy định trong các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng cho đến khi thi hành xong số tiền trên. Trường hợp Công ty V1 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp và tài sản khác của Công ty V1 để thu nợ.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q do ông Nguyễn Tuấn K và bà Đinh Hồng H2 là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền thống nhất trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải thanh toán tất cả khoản nợ cho nguyên đơn, thanh toán ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tính đến ngày 25/12/2020, bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền 189.230.057.260đ (*Một trăm tám mươi chín tỷ hai trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*) gồm các khoản sau:

- Nợ gốc là: 60.393.237.170đ (*Sáu mươi tỷ ba trăm chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi đồng*);

- Lãi trong hạn: 42.366.489.590đ (*Bốn mươi hai tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm chín mươi đồng*);

- Lãi quá hạn: 86.470.330.500đ (*Tám mươi sáu tỷ bốn trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng*).

Đối với 05 hợp đồng tín dụng hạn mức, hợp đồng tín dụng trung hạn và dài hạn nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân và bị đơn có 53 khế ước nhận nợ như sau:

1. Khế ước nhận nợ số LD1019400206; số tiền giải ngân: 2.606.800.000đ; ngày giải ngân 13/7/2010; ngày đáo hạn: 12/7/2013; lãi suất: 15,5%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 67.667.982đ; lãi quá hạn: 4.736.759đ; tổng cộng: 72.404.741đ;

2. Khế ước nhận nợ số LD1021700123; số tiền giải ngân: 1.296.000.000đ; ngày giải ngân 05/8/2010; ngày đáo hạn: 27/6/2013; lãi suất: 15,5%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 24.035.988đ; lãi quá hạn: 1.682.519đ; tổng cộng: 25.718.507đ;

3. Khế ước nhận nợ số LD1023700303; số tiền giải ngân: 2.592.000.000đ; ngày giải ngân 25/8/2010; ngày đáo hạn: 25/8/2013; lãi suất: 15,5%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 162.286.233đ; lãi quá hạn: 11.360.036đ; tổng cộng: 173.646.270đ;

4. Khế ước nhận nợ số LD1035000134; số tiền giải ngân: 2.648.000.000đ; ngày giải ngân 16/12/2010; ngày đáo hạn: 08/9/2013; lãi suất: 18,5%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 142.456.662đ; lãi quá hạn: 9.971.966đ; tổng cộng: 152.428.628đ;

5. Khế ước nhận nợ số LD1221500385; số tiền giải ngân: 2.890.000.000đ; ngày giải ngân 02/8/2012; ngày đáo hạn: 31/3/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 610.871.394đ; lãi quá hạn: 42.760.998đ; tổng cộng: 653.632.392đ;

6. Khế ước nhận nợ số LD1221600573; số tiền giải ngân: 1.529.668.800đ; ngày giải ngân 03/8/2012; ngày đáo hạn: 31/3/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.529.668.800đ; lãi trong hạn: 783.381.634đ; lãi quá hạn: 2.079.735.788đ; tổng cộng: 4.392.786.222đ;

7. Khế ước nhận nợ số LD1221600586; số tiền giải ngân: 270.000.000đ; ngày giải ngân 03/8/2012; ngày đáo hạn: 31/3/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 63.922.500đ; lãi quá hạn: 4.474.575đ; tổng cộng: 68.397.075đ;

8. Khế ước nhận nợ số LD1222000616; số tiền giải ngân: 2.940.000.000đ; ngày giải ngân 07/8/2012; ngày đáo hạn: 04/4/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.940.000.000đ; lãi trong hạn: 1.503.197.500đ; lãi quá hạn: 3.997.048.825đ; tổng cộng: 8.440.246.325đ;

9. Khế ước nhận nợ số LD1222100342; số tiền giải ngân: 1.790.000.000đ; ngày giải ngân 08/8/2012; ngày đáo hạn: 05/4/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.790.000.000đ; lãi trong hạn: 914.839.167đ; lãi quá hạn: 2.433.551.242đ; tổng cộng: 5.138.390.409đ;

10. Khế ước nhận nợ số LD1222200543; số tiền giải ngân: 1.800.000.000đ; ngày giải ngân 09/8/2012; ngày đáo hạn: 07/4/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.800.000.000đ; lãi trong hạn: 919.200.000đ; lãi quá hạn: 2.447.094.000đ; tổng cộng: 5.166.294.000đ;

11. Khế ước nhận nợ số LD1222600458; số tiền giải ngân: 1.597.320.000đ; ngày giải ngân 13/8/2012; ngày đáo hạn: 10/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.597.320.000đ; lãi trong hạn: 804.716.505đ; lãi quá hạn: 2.170.782.505đ; tổng cộng: 4.572.819.010đ;

12. Khế ước nhận nợ số LD1222600463; số tiền giải ngân: 1.980.000.000đ; ngày giải ngân 13/8/2012; ngày đáo hạn: 10/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.980.000.000đ; lãi trong hạn: 997.507.500đ; lãi quá hạn: 2.690.850.525đ; tổng cộng: 5.668.358.025đ;

13. Khế ước nhận nợ số LD1222900428; số tiền giải ngân: 2.874.487.500đ; ngày giải ngân 16/8/2012; ngày đáo hạn: 14/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.874.487.500đ; lãi trong hạn: 1.445.747.442đ; lãi quá hạn: 3.906.305.145đ; tổng cộng: 8.226.540.087đ;

14. Khế ước nhận nợ số LD1222900429; số tiền giải ngân: 2.160.000.000đ; ngày giải ngân 16/8/2012; ngày đáo hạn: 14/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.160.000.000đ; lãi trong hạn: 1.086.390.000đ; lãi quá hạn: 2.935.347.300đ; tổng cộng: 6.181.737.300đ;

15. Khế ước nhận nợ số LD1223000544; số tiền giải ngân: 1.770.000.000đ; ngày giải ngân 17/8/2012; ngày đáo hạn: 14/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.770.000.000đ; lãi trong hạn: 890.236.250đ; lãi quá hạn: 2.405.354.038đ; tổng cộng: 5.065.590.288đ;

16. Khế ước nhận nợ số LD1223300127; số tiền giải ngân: 670.000.000đ; ngày giải ngân 20/8/2012; ngày đáo hạn: 17/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 670.000.000đ; lãi trong hạn: 336.563.333đ; lãi quá hạn: 910.471.933đ; tổng cộng: 1.917.035.266đ;

17. Khế ước nhận nợ số LD1223500142; số tiền giải ngân: 2.000.000.000đ; ngày giải ngân 22/8/2012; ngày đáo hạn: 19/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.000.000.000đ; lãi trong hạn: 1.003.833.333đ; lãi quá hạn: 2.717.768.333đ; tổng cộng: 5.721.601.666đ;

18. Khế ước nhận nợ số LD1223600135; số tiền giải ngân: 1.890.000.000đ; ngày giải ngân 23/8/2012; ngày đáo hạn: 21/5/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.890.000.000đ; lãi trong hạn: 947.835.000đ; lãi quá hạn: 2.568.235.950đ; tổng cộng: 5.406.070.950đ;

19. Khế ước nhận nợ số LD1223700102; số tiền giải ngân: 2.500.000.000đ; ngày giải ngân 24/8/2012; ngày đáo hạn: 21/6/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.242.891.075đ; lãi trong hạn: 1.254.296.535đ; lãi quá hạn: 3.056.826.843đ; tổng cộng: 6.554.015.453đ;

20. Khế ước nhận nợ số LD1224000642; số tiền giải ngân: 3.000.000.000đ; ngày giải ngân 27/8/2012; ngày đáo hạn: 24/6/2013; lãi suất: 15,5%/năm; nợ gốc: 3.000.000.000đ; lãi trong hạn: 1.483.250.000đ; lãi quá hạn: 4.075.077.500đ; tổng cộng: 8.558.327.500đ;

21. Khế ước nhận nợ số LD1224200025; số tiền giải ngân: 3.400.000.000đ; ngày giải ngân 29/8/2012; ngày đáo hạn: 26/6/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 3.400.000.000đ; lãi trong hạn: 1.679.600.000đ; lãi quá hạn: 4.618.322.000đ; tổng cộng: 9.697.922.000đ;

22. Khế ước nhận nợ số LD1224200595; số tiền giải ngân: 3.900.000.000đ; ngày giải ngân 29/8/2012; ngày đáo hạn: 26/6/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 3.900.000.000đ; lãi trong hạn: 1.926.600.000đ; lãi quá hạn: 5.297.487.000đ; tổng cộng: 11.124.087.000đ;

23. Khế ước nhận nợ số LD1224400110; số tiền giải ngân: 3.800.000.00đ; ngày giải ngân 31/8/2012; ngày đáo hạn: 27/6/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 3.800.000.000đ; lãi trong hạn: 1.876.408.333đ; lãi quá hạn: 5.161.598.583đ; tổng cộng: 10.838.006.916đ;

24. Khế ước nhận nợ số LD1224400668; số tiền giải ngân: 2.939.539.500đ; ngày giải ngân 31/8/2012; ngày đáo hạn: 27/6/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.789.727.862đ; lãi trong hạn: 1.418.655.183đ; lãi quá hạn: 3.792.208.098đ; tổng cộng: 8.000.591.143đ;

25. Khế ước nhận nợ số LD1225700479; số tiền giải ngân: 4.900.000.000đ; ngày giải ngân 13/9/2012; ngày đáo hạn: 13/01/2013; lãi suất: 9%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 62.387.443đ; lãi quá hạn: 10.753.056đ; tổng cộng: 73.140.499đ;

26. Khế ước nhận nợ số LD1225800708; số tiền giải ngân: 4.224.000.000đ; ngày giải ngân 14/9/2012; ngày đáo hạn: 13/01/2013; lãi suất: 9%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 1.701.395.615đ; lãi quá hạn: 322.838.470đ; tổng cộng: 2.024.234.085đ;

27. Khế ước nhận nợ số LD1226500601; số tiền giải ngân: 306.769.650đ; ngày giải ngân 21/9/2012; ngày đáo hạn: 20/01/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 10.644.606đ; lãi quá hạn: 745.122đ; tổng cộng: 11.389.728đ;

28. Khế ước nhận nợ số LD1227100485; số tiền giải ngân: 1.200.000.000đ; ngày giải ngân 27/9/2012; ngày đáo hạn: 27/7/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.200.000.000đ; lãi trong hạn: 582.200.000đ; lãi quá hạn: 1.629.254.000đ; tổng cộng: 3.411.454.000đ;

29. Khế ước nhận nợ số LD1227100556; số tiền giải ngân: 1.740.000.000đ; ngày giải ngân 27/9/2012; ngày đáo hạn: 27/7/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.740.000.000đ; lãi trong hạn: 844.190.000đ; lãi quá hạn: 2.362.418.300đ; tổng cộng: 4.946.608.300đ;

30. Khế ước nhận nợ số LD1227100638; số tiền giải ngân: 1.246.000.000đ; ngày giải ngân 27/9/2012; ngày đáo hạn: 27/7/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.246.000.000đ; lãi trong hạn: 604.517.667đ; lãi quá hạn: 1.691.708.737đ; tổng cộng: 3.542.226.404đ;

31. Khế ước nhận nợ số LD1227200237; số tiền giải ngân: 3.000.000.000đ; ngày giải ngân 28/9/2012; ngày đáo hạn: 27/7/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 3.000.000.000đ; lãi trong hạn: 1.455.500.000đ; lãi quá hạn: 4.073.135.000đ; tổng cộng: 8.528.635.000đ;

32. Khế ước nhận nợ số LD1227200906; số tiền giải ngân: 2.000.000.000đ; ngày giải ngân 28/9/2012; ngày đáo hạn: 27/7/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.000.000.000đ; lãi trong hạn: 970.333.333đ; lãi quá hạn: 2.715.423.333đ; tổng cộng: 5.685.756.666đ;

33. Khế ước nhận nợ số LD1227500559; số tiền giải ngân: 1.523.610.000đ; ngày giải ngân 01/10/2012; ngày đáo hạn: 31/7/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.453.730.432đ; lãi trong hạn: 743.205.111đ; lãi quá hạn: 1.998.630.465đ; tổng cộng: 4.195.566.008đ;

34. Khế ước nhận nợ số LD1228300628; số tiền giải ngân: 2.455.879.500đ; ngày giải ngân 09/10/2012; ngày đáo hạn: 13/8/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 1.186.646.864đ; lãi quá hạn: 864.341.945đ; tổng cộng: 2.050.988.809đ;

35. Khế ước nhận nợ số LD1228600730; số tiền giải ngân: 1.212.374.250đ; ngày giải ngân 12/10/2012; ngày đáo hạn: 13/8/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 584.091.940đ; lãi quá hạn: 426.572.992đ; tổng cộng: 1.010.664.932đ;

36. Khế ước nhận nợ số LD1229000557; số tiền giải ngân: 1.166.424.300đ; ngày giải ngân 16/10/2012; ngày đáo hạn: 15/8/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 567.288.516đ; lãi quá hạn: 410.778.930đ; tổng cộng: 978.067.446đ;

37. Khế ước nhận nợ số LD1229100486; số tiền giải ngân: 340.000.000đ; ngày giải ngân 17/10/2012; ngày đáo hạn: 17/8/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 340.000.000đ; lãi trong hạn: 165.089.644đ; lãi quá hạn: 461.631.275đ; tổng cộng: 966.720.919đ;

38. Khế ước nhận nợ số LD1229200574; số tiền giải ngân: 2.150.000.000đ; ngày giải ngân 18/10/2012; ngày đáo hạn: 17/8/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 2.150.000.000đ; lãi trong hạn: 1.043.145.361đ; lãi quá hạn: 2.919.082.675đ; tổng cộng: 6.112.228.036đ;

39. Khế ước nhận nợ số LD1229300578; số tiền giải ngân: 1.000.000.000đ; ngày giải ngân 19/10/2012; ngày đáo hạn: 18/8/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 1.000.000.000đ; lãi trong hạn: 484.601.667đ; lãi quá hạn: 1.357.672.117đ; tổng cộng: 2.842.273.784 đ;

40. Khế ước nhận nợ số LD1230300588; số tiền giải ngân: 807.669.000đ; ngày giải ngân 29/10/2012; ngày đáo hạn: 27/8/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 807.669.000đ; lãi trong hạn: 385.965.274đ; lãi quá hạn: 1.096.169.421đ; tổng cộng: 2.289.803.695đ;

41. Khế ước nhận nợ số LD1231000634; số tiền giải ngân: 2.222.404.560đ; ngày giải ngân 05/11/2012; ngày đáo hạn: 04/9/2013; lãi suất: 15%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 964.056.874đ; lãi quá hạn: 716.983.567đ; tổng cộng: 1.681.040.441đ;

42. Khế ước nhận nợ số LD1231900537; số tiền giải ngân: 601.056.000đ; ngày giải ngân 14/11/2012; ngày đáo hạn: 13/9/2013; lãi suất: 13,78%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 257.626.126đ; lãi quá hạn: 193.692.949đ; tổng cộng: 451.319.075đ;

43. Khế ước nhận nợ số LD1232200055; số tiền giải ngân: 1.691.280.000đ; ngày giải ngân 17/11/2012; ngày đáo hạn: 17/3/2013; lãi suất: 13,78%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 781.243.108đ; lãi quá hạn: 400.390.290đ; tổng cộng: 1.181.633.398đ;

44. Khế ước nhận nợ số LD1232400705; số tiền giải ngân: 808.249.500đ; ngày giải ngân 19/11/2012; ngày đáo hạn: 18/3/2013; lãi suất: 13,78%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 372.576.533đ; lãi quá hạn: 227.670.265đ; tổng cộng: 600.246.798đ;

45. Khế ước nhận nợ số LD1233500846; số tiền giải ngân: 3.903.120.000đ; ngày giải ngân 30/11/2012; ngày đáo hạn: 29/3/2013; lãi suất: 13,78%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 1.735.313.055đ; lãi quá hạn: 742.149.267đ; tổng cộng: 2.477.462.322đ;

46. Khế ước nhận nợ số LD1234200729; số tiền giải ngân: 1.970.325.000đ; ngày giải ngân 07/12/2012; ngày đáo hạn: 07/4/2013; lãi suất: 10%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 633.240.564đ; lãi quá hạn: 165.009.246đ; tổng cộng: 798.249.810đ;

47. Khế ước nhận nợ số LD1236000820; số tiền giải ngân: 2.460.332.700đ; ngày giải ngân 25/12/2012; ngày đáo hạn: 24/4/2013; lãi suất: 11%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 863.405.922đ; lãi quá hạn: 223.946.947đ; tổng cộng: 1.087.352.869đ;

48. Khế ước nhận nợ số LD1236400072; số tiền giải ngân: 1.000.000.000đ; ngày giải ngân 29/12/2012; ngày đáo hạn: 25/4/2013; lãi suất: 11%/năm; nợ gốc: 1.000.000.000đ; lãi trong hạn: 349.555.554đ; lãi quá hạn: 995.218.876đ; tổng cộng: 2.344.774.430đ;

49. Khế ước nhận nợ số LD1301100749; số tiền giải ngân: 1.752.230.700đ; ngày giải ngân 11/01/2013; ngày đáo hạn: 10/5/2013; lãi suất: 13,05%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 688.476.997đ; lãi quá hạn: 139.820.453đ; tổng cộng: 828.297.450đ;

50. Khế ước nhận nợ số LD1301800579; số tiền giải ngân: 1.971.742.500đ; ngày giải ngân 18/01/2013; ngày đáo hạn: 17/5/2013; lãi suất: 13,05%/năm; nợ gốc: 1.971.742.500đ; lãi trong hạn: 795.524.164đ; lãi quá hạn: 2.326.468.621đ; tổng cộng: 5.093.735.285đ;

51. Khế ước nhận nợ số LD1305200113; số tiền giải ngân: 847.665.000đ; ngày giải ngân 21/02/2013; ngày đáo hạn: 20/6/2013; lãi suất: 13,80%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 345.084.425đ; lãi quá hạn: 72.896.648đ; tổng cộng: 417.981.073đ;

52. Khế ước nhận nợ số LD1305600537; số tiền giải ngân: 350.000.000đ; ngày giải ngân 25/02/2013; ngày đáo hạn: 24/6/2013; lãi suất: 13,80%/năm; nợ gốc: 350.000.000đ; lãi trong hạn: 141.680.001đ; lãi quá hạn: 436.165.100đ; tổng cộng: 927.845.101đ;

53. Khế ước nhận nợ số LD1305900423; số tiền giải ngân: 1.746.585.000đ; ngày giải ngân 28/02/2013; ngày đáo hạn: 27/6/2013; lãi suất: 13,80%/năm; nợ gốc: 0đ; lãi trong hạn: 704.004.752đ; lãi quá hạn: 149.708.971đ; tổng cộng: 853.713.723đ;

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền phát sinh trên khoản nợ theo quy định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên. Trường hợp bị đơn thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử, Tòa án đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, hồ sơ có trong vụ án đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận B nên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh

doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/8/2018, lời trình bày của người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Khi đến các kỳ hạn thanh toán, bị đơn không thanh toán đúng hạn nên Ngân hàng đã xử lý một số tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo thỏa thuận giữa các bên. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu của bà Trần Thị Giao, ông Vũ Trọng H3 và bà Hoàng Thị Q đã được các bên thỏa thuận chuyển nhượng thanh toán nợ cho Ngân hàng là 26.504.000.000đ trước khi khởi kiện, do đó không cần thiết đưa bà Giao, ông Hữu và bà Quyết vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

[2.1.1] Hợp đồng tín dụng hạn mức số 55.12.703.414679.TDHM ngày 18/7/2012: Ngân hàng và Công ty V1 đã thỏa thuận hạn mức tín dụng 100.000.000.000 đồng; mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành LC vào bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh; lãi suất áp dụng cho từng khoản vay sẽ được quy định cụ thể trên khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân theo cơ chế lãi suất ban hành trong từng thời kỳ của Ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân và Công ty V1 đã ký khế ước nhận nợ 49 lần với tổng số tiền 96.298.581.460đ.

[2.1.2] Hợp đồng tín dụng trung hạn số 430.10.701.414679.TD ngày 13/7/2010, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.606.800.000đ vào ngày 13/7/2010, Công ty V1 đã ký khế ước nhận nợ số LD1019400206; mục đích vay: mua 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN; lãi suất trong hạn: lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân được xác định cụ thể trên khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

[2.1.3] Hợp đồng tín dụng trung hạn số 449.10.701.414679.TD ngày 05/8/2010, Ngân hàng đã giải ngân số tiền 1.296.000.000đ vào ngày 05/8/2010; Công ty V1 đã ký khế ước nhận nợ số LD1021700123 ngày 05/8/2010; mục đích vay: mua 10 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN, lãi suất trong hạn: lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân được xác định cụ thể trên khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

[2.1.4] Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 459.10.701.414679.TD ngày 25/8/2010, Công ty V1 đã ký khế ước nhận nợ số LD1023700303 và Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.592.000.000đ vào ngày 25/8/2010; mục đích vay: mua 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN; lãi suất trong hạn: lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân được xác định cụ thể trên khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

[2.1.5] Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 023.10.701.414679.TD ngày 16/12/2010, Công ty V1 đã ký khế ước nhận nợ số LD1035000134 và Ngân hàng đã giải ngân số tiền 2.648.000.000đ vào ngày 16/12/2010; mục đích vay: mua 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN; lãi suất trong hạn: lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân được xác định cụ thể trên khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tổng số tiền đã giải ngân cho 05 hợp đồng: 105.441.381.460đ.

[2.1.6] Hợp đồng thế chấp số 017.10.703.414679.BD ngày 15/4/2011, Công ty V1 đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là 20 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN để vay 2.648.000.000đ. Hợp đồng được công chứng tại Phòng Công chứng số 7- Tp. Hồ Chí Minh, số công chứng 07216, quyển số 04 ngày 15/4/2011 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại Điều 4 của hợp đồng thế chấp này các bên đã thỏa thuận: Khi đến hạn trả nợ mà Công ty V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được toàn quyền bán hoặc thông qua các tổ chức khác bán 20 xe ô tô thế chấp để thu hồi nợ. Tại thời điểm khởi kiện, hợp đồng thế chấp này còn 03 xe ô tô tải nguyên đơn chưa xử lý để thu hồi nợ, gồm các ô tô mang biển kiểm soát số: 54U-4047; 51D-000.11 và 51D-000.14

[2.1.7] Hợp đồng thế chấp số 430.10.701.414679.BD ngày 15/4/2011, Công ty V1 đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là 50 xe ô tô tải hiệu CHEVROLET SPARK VAN để vay 6.494.000.000đ. Hợp đồng được công chứng tại Phòng Công chứng số 7- Tp. Hồ Chí Minh, số công chứng 07217, quyển số 04 ngày 15/4/2011 và đã đăng ký giao dịch bảo đảm. Tại Điều 4 của hợp đồng thế chấp này các bên đã thỏa thuận: Khi đến hạn trả nợ mà Công ty V1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được toàn quyền bán hoặc thông qua các tổ chức khác bán 50 xe ô tô thế chấp để thu hồi nợ. Tại thời điểm khởi kiện, hợp đồng thế chấp này còn 11 xe ô tô tải nguyên đơn chưa xử lý để thu hồi nợ, gồm các ô tô tải mang biển kiểm soát số: 54U-0208; 54U-0367; 54U-1278; 54U-0701; 54U-0727; 54U-0726; 54U-1341; 54U-1725; 54U-1778; 54U-1619 và 54U-1677.

[2.1.8] Ngày 18/02/2020, Phòng cảnh sát Giao thông đường bộ Công an Thành phố Hồ Chí Minh có 14 Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, cung cấp thông tin: 03 xe ô tô thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 017.10.703.414679.BD ngày 15/4/2011 mang biển kiểm soát số: 54U-4047; 51D-000.11; 51D-000.14 và 11 xe ô tô theo Hợp đồng thế chấp số

430.10.701.414679.BD ngày 15/4/2011 mang biên kiểm soát số: 54U-0208; 54U-0367; 54U-1278; 54U-0701; 54U-0727; 54U-0726; 54U-1341; 54U-1725; 54U-1778; 54U-1619 và 54U-1677 vẫn không có thông tin gì về cải tạo, thu hồi và sang tên di chuyển đi.

Ngoài ra, để bảo đảm cho các khoản vay Công ty V1 còn có các tài sản bảo đảm là bất động sản, hàng hóa luân chuyển thế chấp cho Ngân hàng. Các bên đã thỏa thuận chuyển nhượng các tài sản này để thanh toán nợ cho Ngân hàng trước khi nguyên đơn khởi kiện và không có yêu cầu giải quyết. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2.1] Về khoản nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn:

Căn cứ vào 05 hợp đồng tín dụng nêu trên, có cơ sở xác định Ngân hàng đã 53 lần giải ngân cho Công ty V1 tương ứng với 53 khế ước nhận nợ của Công ty V1 với tổng số tiền là 105.441.381.460đ (*Một trăm lẻ năm tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu ba trăm tám mươi một nghìn bốn trăm sáu mươi đồng*).

Tính đến ngày 25/12/2020, Công ty V1 còn nợ Ngân hàng số tiền 189.230.057.260đ gồm các khoản sau: Nợ gốc là: 60.393.237.170đ; Lãi trong hạn: 42.366.489.590đ; Lãi quá hạn: 86.470.330.500đ.

Xét thỏa thuận về lãi: Ngân hàng và Công ty V1 trong 05 hợp đồng tín dụng trên đã thỏa thuận lãi suất trong hạn là lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân được xác định cụ thể trên khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

Tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về lãi suất, phí trong các hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng: “2. Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”

Tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam hướng dẫn cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận, hướng dẫn: “Điều 1. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả.”

Như vậy, thỏa thuận về lãi giữa Ngân hàng và Công ty V1 là phù hợp với quy định pháp luật, có cơ sở chấp nhận cần buộc bị đơn trả ngay toàn bộ tiền vốn, tiền lãi nêu trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và bị đơn còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay cho đến khi thi hành xong số nợ này.

[2.2.2] Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp:

Hai hợp đồng thế chấp đã nêu tại Mục [2.1.6] và [2.1.7] đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm có giá trị pháp lý. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp bị đơn thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình tố tụng, bị đơn vắng mặt không có lý do, cũng như không đưa ra bất kỳ một phản hồi nào hoặc chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, phải chịu hậu quả pháp lý đối với việc vắng mặt của mình.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại và án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q.

2. Buộc Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu V1 phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q số tiền 189.230.057.260đ (*Một trăm tám chín tỷ hai trăm ba mươi triệu không trăm năm mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng*) gồm các khoản sau:

- Nợ gốc là: 60.393.237.170đ (*Sáu mươi tỷ ba trăm chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi đồng*);

- Lãi trong hạn: 42.366.489.590đ (*Bốn mươi hai tỷ ba trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn năm trăm chín mươi đồng*);

- Lãi quá hạn: 86.470.330.500đ (*Tám mươi sáu tỷ bốn trăm bảy mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn năm trăm đồng*).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu V1 còn phải chịu tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh đối với số nợ trên kể từ ngày 26/12/2020 theo thỏa thuận được quy định trong 05 hợp đồng tín dụng gồm:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 55.12.703.414679.TDHM ngày 18/7/2012; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 430.10.701.414679.TD ngày 13/7/2010; Hợp đồng tín dụng trung hạn số 449.10.701.414679.TD ngày 05/8/2010; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 459.10.701.414679.TD ngày 25/8/2010 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 023.10.701.414679.TD ngày 16/12/2010 và 53 khế ước nhận nợ kèm theo gồm:

1. Khế ước nhận nợ số LD1019400206 ngày 13/7/2010;
2. Khế ước nhận nợ số LD1021700123 ngày 05/8/2010;
3. Khế ước nhận nợ số LD1023700303 ngày 25/8/2010;
4. Khế ước nhận nợ số LD1035000134 ngày 16/12/2010;
5. Khế ước nhận nợ số LD1221500385 ngày 02/8/2012;
6. Khế ước nhận nợ số LD1221600573 ngày 03/8/2012;
7. Khế ước nhận nợ số LD1221600586 ngày 03/8/2012;
8. Khế ước nhận nợ số LD1222000616 ngày 07/8/2012;
9. Khế ước nhận nợ số LD1222100342 ngày 08/8/2012;
10. Khế ước nhận nợ số LD1222200543 ngày 09/8/2012;
11. Khế ước nhận nợ số LD1222600458 ngày 13/8/2012;
12. Khế ước nhận nợ số LD1222600463 ngày 13/8/2012;
13. Khế ước nhận nợ số LD1222900428 ngày 16/8/2012;
14. Khế ước nhận nợ số LD1222900429 ngày 16/8/2012;
15. Khế ước nhận nợ số LD1223000544 ngày 17/8/2012;
16. Khế ước nhận nợ số LD1223300127 ngày 20/8/2012;
17. Khế ước nhận nợ số LD1223500142 ngày 22/8/2012;
18. Khế ước nhận nợ số LD1223600135 ngày 23/8/2012;
19. Khế ước nhận nợ số LD1223700102 ngày 24/8/2012;
20. Khế ước nhận nợ số LD1224000642 ngày 27/8/2012;
21. Khế ước nhận nợ số LD1224200025 ngày 29/8/2012;
22. Khế ước nhận nợ số LD1224200595 ngày 29/8/2012;
23. Khế ước nhận nợ số LD1224400110 ngày 31/8/2012;
24. Khế ước nhận nợ số LD1224400668 ngày 31/8/2012;
25. Khế ước nhận nợ số LD1225700479 ngày 13/9/2012;
26. Khế ước nhận nợ số LD1225800708 ngày 14/9/2012;
27. Khế ước nhận nợ số LD1226500601 ngày 21/9/2012;

28. Khế ước nhận nợ số LD1227100485 ngày 27/9/2012;
 29. Khế ước nhận nợ số LD1227100556 ngày 27/9/2012;
 30. Khế ước nhận nợ số LD1227100638 ngày 27/9/2012;
 31. Khế ước nhận nợ số LD1227200237 ngày 28/9/2012;
 32. Khế ước nhận nợ số LD1227200906 ngày 28/9/2012;
 33. Khế ước nhận nợ số LD1227500559 ngày 01/10/2012;
 34. Khế ước nhận nợ số LD1228300628 ngày 09/10/2012;
 35. Khế ước nhận nợ số LD1228600730 ngày 12/10/2012;
 36. Khế ước nhận nợ số LD1229000557; ngày 16/10/2012;
 37. Khế ước nhận nợ số LD1229100486 ngày 17/10/2012;
 38. Khế ước nhận nợ số LD1229200574 ngày 18/10/2012;
 39. Khế ước nhận nợ số LD1229300578 ngày 19/10/2012;
 40. Khế ước nhận nợ số LD1230300588 ngày 29/10/2012;
 41. Khế ước nhận nợ số LD1231000634 ngày 05/11/2012;
 42. Khế ước nhận nợ số LD1231900537 ngày 14/11/2012;
 43. Khế ước nhận nợ số LD1232200055 ngày 17/11/2012;
 44. Khế ước nhận nợ số LD1232400705 ngày 19/11/2012;
 45. Khế ước nhận nợ số LD1233500846 ngày 30/11/2012;
 46. Khế ước nhận nợ số LD1234200729 ngày 07/12/2012;
 47. Khế ước nhận nợ số LD1236000820 ngày 25/12/2012;
 48. Khế ước nhận nợ số LD1236400072 ngày 29/12/2012;
 49. Khế ước nhận nợ số LD1301100749 ngày 11/01/2013;
 50. Khế ước nhận nợ số LD1301800579 ngày 18/01/2013;
 51. Khế ước nhận nợ số LD1305200113 ngày 21/02/2013;
 52. Khế ước nhận nợ số LD1305600537 ngày 25/02/2013;
 53. Khế ước nhận nợ số LD1305900423 ngày 28/02/2013;
- Cho đến khi thi hành xong số tiền nợ nêu trên.

4. Ngay sau khi Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu V1 trả hết số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q phải giao trả toàn bộ giấy tờ về tài sản đã thế chấp cho Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu V1 gồm: 14 Giấy chứng nhận xe ô tô tải hiệu CHEVLOREL mang biển kiểm soát số: 54U-4047; 51D-000.11; 51D-000.14; 54U-0208; 54U-0367; 54U-1278; 54U-0701; 54U-0727; 54U-0726; 54U-1341; 54U-1725; 54U-1778; 54U-1619 và 54U-1677.

5. Quá thời hạn trên, nếu Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu V1 không thanh toán hết số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q được quyền yêu cầu bán tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, gồm: 14 xe ô tô tải hiệu CHEVLOREL mang biển kiểm soát số: 54U-4047; 51D-000.11; 51D-000.14;

54U-0208; 54U-0367; 54U-1278; 54U-0701; 54U-0727; 54U-0726; 54U-1341; 54U-1725; 54U-1778; 54U-1619 và 54U-1677

6. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu V1 phải chịu 297.230.057đ (*Hai trăm chín mươi bảy triệu hai trăm ba mươi nghìn không trăm năm mươi bảy đồng*).

7. Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí: 130.675.584đ (*Một trăm ba mươi triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng*) theo biên lai thu số 0008948 ngày 28/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

10. Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng nghị trong thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.B;
- Chi cục THADS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Phước Lý